

Số: / /TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm

THÔNG TƯ

Hướng dẫn kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngàytháng ... năm ...;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 quy định về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc ghi sổ kế toán của các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu hằng năm trên 3 tỷ đồng thực hiện kế toán theo hướng dẫn tại Thông tư này hoặc theo chế độ kế toán doanh nghiệp siêu nhỏ.

Điều 2. Tổ chức công tác kế toán

Người đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thể tự ghi chép sổ sách kế toán hoặc bố trí người làm kế toán hoặc thuê dịch vụ làm kế toán cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Người đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thể bố trí cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình làm kế toán cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc bố trí người làm quản lý, điều hành, thủ kho, thủ quỹ, người được giao nhiệm vụ thường xuyên mua, bán tài sản kiêm nhiệm làm kế toán cho hộ

kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Điều 3. Về lưu trữ tài liệu kế toán

1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được lựa chọn lưu trữ các tài liệu kế toán (hóa đơn, chứng từ kế toán, sổ kế toán,...) trên phương tiện điện tử.

2. Thời hạn lưu trữ tài liệu kế toán của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tối thiểu là 5 năm.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

KẾ TOÁN TẠI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH CÓ DOANH THU HÀNG NĂM TỪ 200 TRIỆU ĐỒNG TRỞ XUỐNG

Điều 4. Sổ kế toán

1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng Sổ chi tiết doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ (mẫu số S1a-HKD) sau đây để ghi chép doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ, cụ thể:

HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH:.....

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:.....

Mẫu số S1a-HKD

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2025/TT-BTC

ngày ... tháng năm 2025 của Bộ trưởng

Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Địa điểm kinh doanh:.....

Kỳ kê khai:.....

Ngày tháng	Giao dịch	Số tiền
A	B	1
	Tổng cộng	

Ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/

CÁ NHÂN KINH DOANH

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2. Phương pháp ghi sổ:

- Cột A: Ghi ngày, tháng ghi sổ;
- Cột B: Ghi giao dịch bán hàng hóa, dịch vụ;
- Cột 1: Ghi số tiền bán hàng hóa, dịch vụ.

Mục 2

KẾ TOÁN TẠI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH CÓ DOANH THU HÀNG NĂM TRÊN 200 TRIỆU ĐỒNG ĐẾN 3 TỶ ĐỒNG

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh căn cứ vào phương pháp nộp thuế GTGT, thuế TNCN để thực hiện kế toán theo một trong hai trường hợp quy định tại Điều 5 hoặc Điều 6 dự thảo Thông tư, cụ thể như sau:

Điều 5. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế GTGT và thuế TNCN theo tỷ lệ % trên doanh thu

1. Chứng từ kế toán sử dụng là Hóa đơn bán hàng.
2. Sổ kế toán

2.1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng Sổ chi tiết doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ (mẫu số S2a-HKD) sau đây để ghi chép doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ:

HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH:.....
 Địa chỉ:.....
 Mã số thuế:.....

Mẫu số S2a-HKD
 (Ban hành kèm theo Thông tư số .../2025/TT-BTC
 ngày ... tháng năm 2025 của Bộ trưởng
 Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Địa điểm kinh doanh:.....
 Kỳ kê khai:.....

Hóa đơn		Giao dịch	Số tiền	Thuế TNCN		Thuế GTGT	
Số hiệu	Ngày, tháng			Thuế suất	Thuế phải nộp	Thuế suất	Thuế phải nộp
A	B	C	1	2	3	4	5
		1. Ngành nghề					
							
		Tổng cộng (1)					
		2. Ngành nghề					
							
		3. Ngành nghề					
							
		Tổng cộng (2)					

Ngày ... tháng ... năm ...
 NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/
 CÁ NHÂN KINH DOANH
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2. Phương pháp ghi sổ:

a) Sổ này được mở để ghi doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo từng nhóm danh mục ngành nghề kinh doanh có cùng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập cá nhân (TNCN).

b) Phương pháp ghi sổ

- Cột A, B: Ghi số hiệu, ngày, tháng của hóa đơn bán hàng;
- Cột C: Ghi giao dịch doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo từng ngành nghề có cùng mức thuế suất;
- Cột 1: Ghi số tiền bán hàng hóa, dịch vụ theo từng ngành nghề để làm căn cứ xác định doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo từng ngành, nghề có cùng mức thuế suất;
- Cột 2, 4: Ghi mức thuế suất GTGT và thuế TNCN đối với từng ngành nghề kinh doanh;
- Cột 3, 5: Ghi số thuế GTGT, TNCN phải nộp.

Điều 6. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và thuế TNCN theo tỷ lệ % trên doanh thu

1. Chứng từ kế toán

- Hóa đơn GTGT;
- Hóa đơn bán hàng.

2. Sổ kế toán

2.1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng sổ kế toán theo danh mục sau đây:

STT	Tên sổ kế toán	Ký hiệu
1	Sổ theo dõi nghĩa vụ thuế GTGT với NSNN	Mẫu số S2b- HKD
2	Sổ chi tiết doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	Mẫu số S2a- HKD

2.2. Biểu mẫu và phương pháp lập sổ kế toán

2.2.1. Sổ theo dõi nghĩa vụ thuế GTGT với NSNN (Mẫu số S2b-HKD)

a) Biểu mẫu Sổ theo dõi nghĩa vụ thuế GTGT với NSNN

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng Sổ theo dõi nghĩa vụ thuế GTGT với NSNN sau đây để làm căn cứ xác định nghĩa vụ thuế GTGT:

HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH:....
 Địa chỉ:.....
 Mã số thuế:.....

Mẫu số S2b-HKD
 (Ban hành kèm theo Thông tư số/2025/TT-BTC
 ngày ... tháng năm 2025 của Bộ trưởng
 Bộ Tài chính)

SỔ THEO DÕI NGHĨA VỤ THUẾ GTGT VỚI NSNN

Loại thuế:.....

Kỳ tính thuế:

Đơn vị tính:.....

Hóa đơn		Diễn giải	Số thuế GTGT đầu vào	Số thuế GTGT đầu ra	Chênh lệch			Số thuế đã nộp
Số hiệu	Ngày, tháng				Số thuế GTGT được hoàn	Số thuế GTGT được khấu trừ	Số thuế GTGT phải nộp	
A	B	C	1	2	3	4	5	6
		Số dư đầu kỳ						
		Số phát sinh trong kỳ						
								
		Cộng số phát sinh trong kỳ						
		Số dư cuối kỳ						

Ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/
CÁ NHÂN KINH DOANH
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

b) Phương pháp ghi sổ

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mở sổ này để theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT với NSNN.

- Căn cứ và phương pháp ghi sổ:

- + Cột A, B: Ghi số hiệu, ngày tháng của hóa đơn GTGT;
- + Cột C: Ghi nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Trong đó: Số dư đầu kỳ được căn cứ vào số dư cuối kỳ trước chuyển sang;
- + Cột 1: Phản ánh số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào;
- + Cột 2: Phản ánh số thuế GTGT đầu ra của hàng hóa, dịch vụ bán ra;
- + Cột 3: Phản ánh số thuế GTGT được hoàn
- + Cột 4: Phản ánh số thuế GTGT được khấu trừ;
- + Cột 5: Phản ánh số thuế GTGT phải nộp;
- + Cột 6: Phản ánh số thuế GTGT đã nộp trong kỳ.

2.2.2. Sổ chi tiết doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ (Mẫu số S2a-HKD)

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng Sổ chi tiết doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo mẫu số S2a-HKD hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này (trừ cột 4,5- Thuế GTGT) để làm căn cứ xác định nghĩa vụ thuế TNCN với NSNN.

Mục 3

KẾ TOÁN TẠI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH CÓ DOANH THU HẲNG NĂM TRÊN 3 TỶ ĐỒNG

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu hằng năm theo ngưỡng này căn cứ vào phương pháp nộp thuế GTGT, thuế TNCN để thực hiện kế toán theo một trong hai trường hợp quy định tại Điều 7 hoặc Điều 8 dự thảo Thông tư, cụ thể như sau:

Điều 7. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế GTGT theo tỷ lệ % trên doanh thu và thuế TNCN trên thu nhập tính thuế

1. Chứng từ kế toán

- Hóa đơn GTGT;
- Hóa đơn bán hàng;
- Bảng kê mua hàng hóa, dịch vụ (đối với trường hợp bán hàng không có hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng).

2. Sổ kế toán

2.1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng sổ kế toán theo danh mục sau đây:

STT	Tên sổ kế toán	Ký hiệu
1	Sổ chi tiết doanh thu, chi phí	Mẫu số S3a- HKD
2	Sổ chi tiết doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	Mẫu số S2a-HKD

2.2. Biểu mẫu và phương pháp lập sổ kế toán

2.2.1. Sổ chi tiết doanh thu, chi phí (Mẫu số S3a-HKD)

2.2.1.1. Biểu mẫu sổ doanh thu, chi phí

HỌ, CÁ NHÂN KINH DOANH:.....
 Địa chỉ:.....
 Mã số thuế:.....

Mẫu số S3a-HKD
*(Ban hành kèm theo Thông tư số/2025/TT-BTC
 ngày ... tháng năm 2025 của Bộ trưởng
 Bộ Tài chính)*

SỔ CHI TIẾT DOANH THU, CHI PHÍ

Tên địa điểm kinh doanh:.....

Kỳ kê khai:.....

Chứng từ		Chỉ tiêu	Doanh thu	Chi phí hợp lý	Chênh lệch	
Số hiệu	Ngày, tháng				Lãi	Lỗ
A	B	C	1	2	3	4
		...				
		Tổng cộng				

Ngày ... tháng ... năm ...
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/
 CÁ NHÂN KINH DOANH**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.2. Phương pháp ghi sổ

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mở sổ này để xác định nghĩa vụ thuế TNCN đối với NSNN theo quy định của pháp luật thuế.

b) Căn cứ và phương pháp ghi sổ

- Cột A, B: Ghi số hiệu, ngày, tháng của chứng từ;
- Cột C: Ghi diễn giải nội dung nghiệp vụ phát sinh;
- Cột 1: Ghi chỉ tiêu doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo từng ngành nghề có cùng mức thuế suất;
- Cột 2: Ghi chi phí hợp lý;
- Cột 3, 4: Chênh lệch giữa doanh thu trừ chi phí được phản ánh là lãi hoặc lỗ.

Việc xác định doanh thu, chi phí hợp lý để xác định nghĩa vụ thuế TNCN được thực hiện theo quy định của pháp luật thuế.

2.2.2. Sổ chi tiết doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ (Mẫu số S2a-HKD)

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng Sổ chi tiết doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo mẫu số S2a-HKD hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này (trừ cột 2,3- Thuế TNCN) để làm căn cứ xác định nghĩa vụ thuế GTGT với NSNN.

Điều 8. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và thuế TNCN trên thu nhập tính thuế

1. Chứng từ kế toán

- Hóa đơn GTGT;
- Hóa đơn bán hàng;
- Bảng kê mua hàng hóa, dịch vụ (đối với trường hợp bán hàng không có hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng).

2. Sổ kế toán

2.1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng sổ kế toán theo danh mục sau đây:

STT	Tên sổ kế toán	Ký hiệu
1	Sổ theo dõi nghĩa vụ thuế GTGT với NSNN	Mẫu số S2b- HKD
2	Sổ chi tiết doanh thu, chi phí	Mẫu số S3a- HKD
3	Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mẫu số S3b-HKD
4	Sổ chi tiết tiền	Mẫu số S3c- HKD

2.2. Biểu mẫu và phương pháp lập sổ kế toán

2.2.1. Sổ theo dõi nghĩa vụ thuế GTGT với NSNN (Mẫu số S2b-HKD)

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng Sổ theo dõi nghĩa vụ thuế GTGT với NSNN hướng dẫn tại khoản 2.2.1 Điều 6 Thông tư này để làm căn cứ xác định nghĩa vụ thuế GTGT với NSNN.

2.2.2. Sổ chi tiết doanh thu, chi phí (Mẫu số S3a-HKD)

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng Sổ chi tiết doanh thu, chi phí hướng dẫn tại khoản 2.2.1 Điều 7 Thông tư này để làm căn cứ xác định nghĩa vụ thuế TNCN với NSNN.

2.2.3. Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu số S3b-HKD)

2.2.3.1. Biểu mẫu sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa

HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH:.....
 Địa chỉ:.....
 Mã số thuế:.....

Mẫu số S3b-HKD
 (Ban hành kèm theo Thông tư số .../2025/TT-BTC
 ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng
 Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tên vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.....

Kỳ kê khai

Chứng từ		Diễn giải	Đơn vị tính	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày, tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8
		Số dư đầu kỳ									
		Cộng phát sinh trong kỳ	X	X							
		Số dư cuối kỳ			X	X	X	X			

Ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/
 CÁ NHÂN KINH DOANH**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3.2. Phương pháp ghi sổ

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mở sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa để theo dõi, quản lý về tình hình nhập, xuất, tồn kho cho từng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.

b) Phương pháp ghi sổ

- Cột A, B: Ghi số hiệu, ngày tháng của hóa đơn;

- Cột C: Ghi nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh;

- Cột D: Đơn vị tính của vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa;

- Cột 1: Ghi đơn giá nhập, xuất, tồn vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.

Trong đó, đơn giá nhập kho của từng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa căn cứ vào hóa đơn;

Đơn giá xuất kho được tính riêng cho từng loại vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{(\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ})}{(\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ})}$$

- Cột 2: Ghi số lượng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa nhập kho;
- Cột 3: Ghi giá trị (thành tiền) vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa nhập kho (Cột 3 = Cột 1 x Cột 2);
- Cột 4: Ghi số lượng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xuất kho;
- Cột 5: Ghi giá trị (thành tiền) vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xuất kho (Cột 5 = Cột 1 x Cột 4);
- Cột 6: Ghi số lượng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa tồn kho;
- Cột 7: Ghi giá trị (thành tiền) vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa tồn kho (Cột 7 = Cột 1 x Cột 6).

2.2.4. Sổ chi tiết tiền (Mẫu số S3c-HKD)

2.2.4.1. Biểu mẫu sổ chi tiết tiền

HỌ, CÁ NHÂN KINH DOANH:....
 Địa chỉ:.....
 Mã số thuế:.....

Mẫu số S3c-HKD
 (Ban hành kèm theo Thông tư số/2025/TT-BTC
 ngày ... tháng năm 2025 của Bộ trưởng
 Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TIỀN

Ký kê khai:

Đơn vị tính:.....

Chứng từ		Diễn giải	Tiền mặt			Tiền gửi ngân hàng		
Số hiệu	Ngày tháng		Thu	Chi	Tồn	Gửi vào	Rút ra	Số dư
A	B	C	1	2	3	4	5	6

Ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/
 CÁ NHÂN KINH DOANH**
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4.2. Phương pháp ghi sổ

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải mở sổ chi tiết tiền để theo dõi tình hình thu, chi bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng tại hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

b) Phương pháp ghi sổ

- Cột A,B: Ghi số hiệu và ngày, tháng của chứng từ;
- Cột C: Ghi diễn giải nội dung nghiệp vụ phát sinh;
- Cột 1, 2, 3: Ghi số tiền thu, chi, tồn quỹ tiền mặt;
- Cột 4, 5, 6: Ghi số tiền gửi vào, thanh toán hoặc rút ra, số dư tại ngân hàng.

Mục 4

KẾ TOÁN TẠI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH CÓ HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ TÀI SẢN, HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 9. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động cho thuê tài sản, hoạt động thương mại điện tử nộp thuế GTGT theo tỷ lệ % trên doanh thu và số thuế TNCN phải nộp được xác định bằng thuế suất nhân doanh thu

Trường hợp này, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng sổ kế toán (mẫu số S2a-HKD) theo hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư này để làm căn cứ xác định nghĩa vụ thuế GTGT, TNCN với NSNN.

Mục 5

KẾ TOÁN TẠI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH CÓ HOẠT ĐỘNG THUỘC DIỆN CHỊU CÁC LOẠI THUẾ ĐẶC THÙ KHÁC

Điều 10. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoạt động thuộc diện chịu các loại thuế đặc thù khác

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoạt động thuộc diện chịu các loại thuế đặc thù khác (thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường, thuế sử dụng đất) thì sử dụng thêm Sổ theo dõi nghĩa vụ thuế đặc thù khác với NSNN (Mẫu số S5a-HKD) như sau:

HỌ, CÁ NHÂN KINH DOANH:.....**Địa chỉ:.....****Mã số thuế:.....****Mẫu số S5a-HKD***(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2025/TT-BTC**ngày ... tháng năm 2025 của Bộ trưởng**Bộ Tài chính)***SỔ THEO DÕI NGHĨA VỤ THUẾ ĐẶC THÙ KHÁC VỚI NSNN****Địa điểm kinh doanh:.....****Kỳ kê khai:.....**

Ngày tháng ghi sổ	Giao dịch	Lượng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế	Mức thuế tuyệt đối	Giá tính thuế/01 đơn vị hàng hóa, dịch vụ	Thuế suất	Các loại thuế đặc thù khác						
						Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu			Thuế Bảo vệ môi trường phải nộp	Thuế Tài nguyên phải nộp	Thuế sử dụng đất	Thuế xuất khẩu
						Áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ %	Áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối (nếu có)	Số thuế phải nộp				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Tổng cộng												

*Ngày ... tháng ... năm ...***NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỌ KINH DOANH/****CÁ NHÂN KINH DOANH***(Ký, họ tên, đóng dấu)***Phương pháp ghi sổ:**

- Cột A: Ghi ngày, tháng ghi sổ;
- Cột B: Ghi nội dung nghiệp vụ bán hàng hóa, dịch vụ;
- Cột 1: Ghi lượng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế;
- Cột 2: Ghi mức thuế tuyệt đối theo quy định của pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường;
- Cột 3: Giá tính thuế/01 đơn vị hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế;
- Cột 4: Ghi mức thuế suất theo quy định của pháp luật thuế tiêu thụ đặc

biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế sử dụng đất;

- Cột 5: Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ % ($\text{Cột 5} = \text{Cột 1} \times \text{Cột 3} \times \text{Cột 4}$);

- Cột 6: Tính thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối ($\text{Cột 6} = \text{Cột 1} \times \text{Cột 2}$);

- Cột 7: Tính thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu phải nộp ($\text{Cột 7} = \text{Cột 5} + \text{Cột 6}$);

- Cột 8: Tính thuế bảo vệ môi trường phải nộp ($\text{Cột 8} = \text{Cột 1} \times \text{Cột 2}$);

- Cột 9: Tính thuế tài nguyên phải nộp ($\text{Cột 9} = \text{Cột 1} \times \text{Cột 3} \times \text{Cột 4}$);

- Cột 10: Tính thuế sử dụng đất phải nộp ($\text{Cột 10} = \text{Cột 1} \times \text{Cột 3} \times \text{Cột 4}$);

- Cột 11: Tính thuế xuất khẩu phải nộp ($\text{Cột 11} = \text{Cột 1} \times \text{Cột 3} \times \text{Cột 4}$).

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.
2. Thông tư số 88/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021 hướng dẫn chế độ kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sẽ hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.
3. Ủy ban Nhân dân, Sở Tài chính, Thuế các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm triển khai hướng dẫn các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện Thông tư này.
4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Hiệp hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam;
- Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục QLKT (bản).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Tâm